

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 49/2019/HS-PT

Ngày: 09/5/2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Cường;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quyết và bà Phạm Thị Khánh Thiện.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thanh Tâm - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:
Ông Phạm Văn Vững - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 79/2019/TLPT-HS ngày 28 tháng 3 năm 2019. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án số 07/2019/HS-ST ngày 22 tháng 2 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương.

Bị cáo kháng cáo: **Trịnh Văn K**, sinh năm 1957.

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 7/10. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Con ông Trịnh Văn A, sinh năm 1934 và bà Nguyễn Thị B (đã chết); có vợ là Trịnh Thị C, sinh năm 1960 và 02 con, con lớn sinh năm 1981, con nhỏ sinh năm 1984. Nhân thân: Bản án số 08/2015/HS-ST ngày 31/3/2015 của Tòa án nhân dân (TAND) huyện N phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (không xác định là tiền án do hành vi phạm tội sau nhưng xử trước). Tiền án tiền sự: Không. Bị tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi, Công an tỉnh Hải Dương (Có mặt).

Người bị hại không kháng cáo: Ông Nguyễn Khắc P, sinh năm 1956. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã D, huyện N, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết với ông Nguyễn Bá Q ở Thôn Đ, xã D, huyện N, tỉnh Hải Dương nên Trịnh Văn K nói có quen một số người có thể làm hồ sơ để hưởng chế độ trợ cấp đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; nếu ai có nhu cầu K sẽ giúp. Khoảng năm 2010, ông Nguyễn Khắc P, sinh năm 1956 cũng ở Thôn Đ, xã D nghe tin K có khả năng làm được hồ sơ đề nghị được hưởng trợ cấp với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học. Ông P đến gặp và nhờ K làm giấy tờ, hồ sơ để được hưởng trợ cấp; K đồng ý. Tin lời K, trong khoảng thời gian từ ngày 04/6/2010 đến 11/7/2014, ông P đã đưa cho K tổng số tiền là 42.000.000 đồng và 01 bộ hồ sơ, cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 04/6/2010, K đưa ông P lên Hải Dương gặp một người phụ nữ K giới thiệu là E làm ở Sở Lao động thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương (là vợ của Thanh tra sở); ông P đưa cho E 1.500.000 đồng để làm xét nghiệm vô sinh. Khi về nhà mình tại xã D, ông P đưa cho K 2.000.000 đồng để lo bệnh án vô sinh.

Lần thứ hai: Ngày 06/6/2010, K đến nhà ông P bảo ông P đưa cho 4.000.000 đồng để K lo bệnh án thần kinh ngoại biên bổ sung cho bệnh án vô sinh.

Lần thứ ba: Ngày 14/6/2011, K đến nhà ông P bảo ông P đưa cho K 3.000.000 đồng để chuyển hồ sơ lên tỉnh.

Lần thứ tư: Ngày 29/11/2012, K đến nhà ông P thông báo và đưa cho ông P tờ giấy phô tô số 1331/QĐ-LĐBXH ngày 28/11/2012 của Sở Lao động thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương, Quyết định về việc trợ cấp đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học mang tên Nguyễn Khắc P, sinh năm 1956 ở xã D, huyện N, Hải Dương được hưởng mức trợ cấp hàng tháng là 1.840.000 đồng, kể từ ngày 28/11/2012. Ông P đã yêu cầu K, ký xác nhận vào mặt sau tờ quyết định trên và K nói quyết định chính thức họ sẽ gửi theo ngành dọc và bảo ông P phải chuẩn bị 30.000.000 đồng. Ngày 12/01/2013, tại nhà ông P, ông P đưa cho K 30.000.000 đồng và K viết giấy nhận nợ hẹn đến ngày 30/12/2013 sẽ hoàn trả.

Lần thứ năm: Ngày 11/7/2013, K đưa ông P lên Hải Dương để giám định (Siêu âm tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương). Sau đó, K bảo ông P đưa cho người phụ nữ K giới thiệu là E 3.000.000 đồng tại cổng Bệnh viện Lao Hải Dương.

Do chưa nhận được quyết định, ông P đã nhiều lần đòi tiền nhưng không được nên ông P đã ghi âm việc đòi tiền giữa ông P và K. Ngày 21/11/2016, ông P làm đơn tố cáo hành vi của K đến Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an huyện N. Quá trình làm việc, lúc đầu K không thừa nhận hành vi phạm tội

nhưng sau đó, K đã cơ bản thừa nhận mình không có khả năng làm hồ sơ đề hưởng chế độ trợ cấp đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học nhưng vẫn đưa ra thông tin không đúng sự thật để ông P tin và chiếm đoạt của ông P 42.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 3307/C54-P5 ngày 17/8/2017 của Viện khoa học hình sự - Tổng cục cảnh sát, kết luận: Các chữ “*ngày 29/11/2012: tôi Trịnh Văn K đã lấy Biên nhận khi giao quyết định Nguyễn Khắc P*”, “*Trịnh Văn K*” và chữ ký đứng tên Trịnh Văn K tại mặt sau tài liệu ký hiệu A so với chữ viết, chữ ký đứng tên Trịnh Văn K trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 do cùng một người viết, ký ra.

Tại Kết luận giám định số 3335/C54-P6 ngày 07/11/2017 của Viện Khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát, kết luận: Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt, ghép, làm thay đổi nội dung ghi âm trong file ghi âm mẫu cần giám định. Tiếng nói của người đàn ông được kí hiệu là “P” trong bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định và tiếng nói của ông Nguyễn Khắc P trong mẫu so sánh là của cùng một người. Tiếng nói của người đàn ông được ký hiệu là “K” trong bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định và tiếng nói của ông Trịnh Văn K trong mẫu so sánh là của cùng một người.

Về vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an huyện N quản lý và nhập kho vật chứng 01 thẻ nhớ MicroSD màu đen, trên thẻ nhớ dán tem FDC 2016; 01 USB nhãn hiệu transcend màu đen (mã hiệu 5517916728).

Về trách nhiệm dân sự: Bà Trịnh Thị C và anh Trịnh Văn Q (là vợ và con bị cáo) đã bồi thường 42.000.000 đồng; ông P đã nhận đủ và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bản án số 07/2019/HS-ST ngày 22/2/2019, TAND huyện N, tỉnh Hải Dương đã áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s, b khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Phạt Trịnh Văn K 30 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/02/2019, bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo xuất trình bổ sung: Bản sao Huân chương kháng chiến của bà Trịnh Thị M (là mẹ vợ); Bản sao Quyết định về việc thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Chính Phủ đối với Trịnh Văn K; Đơn đề nghị có xác nhận của chính quyền địa phương việc thờ cúng liệt sĩ Trịnh Văn L (là chú ruột). Đồng thời trình bày liên quan đến nội dung phạm tội như tại phiên tòa sơ thẩm; có thời gian dài (12 năm) trong quân ngũ (được tặng thưởng Huân, Huy chương nhưng bị thất lạc) trong đó có một năm làm nhiệm vụ quốc tế tại Campuchia. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX)

xem xét giảm nhẹ hình phạt. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đã phân tích đánh giá các tình tiết vụ án, nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tình tiết mới tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt cho bị cáo mức 06 (sáu) tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tố tụng:* Giai đoạn sơ thẩm, các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (Viết tắt: BLTTHS) trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử đối với bị cáo.

[2]. *Về hành vi phạm tội:* Tại phiên tòa, bị cáo khai như tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người bị hại, với các kết luận giám định và tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Nên có căn cứ kết luận: Trịnh Văn K không có chức năng làm hồ sơ trợ cấp đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; nhưng đã có hành vi gian dối để ông Nguyễn Khắc P tin. Và trong khoảng thời gian từ ngày 04/6/2010 đến 11/7/2014, ông P đã nhiều lần đưa tiền cho Trịnh Văn K với tổng số tiền là 42.000.000 đồng và 01 bộ hồ sơ. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử, tuyên hình phạt bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. *Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy:* Hành vi của bị cáo đã gây thiệt hại trực tiếp về tài sản đối với người bị hại, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, làm ảnh hưởng đến thực thi chính sách của Nhà nước đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và gây dư luận xấu trong xã hội. Giai đoạn sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo. Bị cáo bị tạm giam nhưng đã tác động để gia đình thực hiện bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả. Người bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đó là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định của Bộ luật Hình sự (viết tắt: BLHS) đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo trình bày và xuất trình các tài liệu chứng minh thời gian phục vụ trong quân ngũ, có thời gian làm nhiệm vụ quốc tế và được hưởng trợ cấp của Nhà nước, là người thờ cúng liệt sỹ. Nên HĐXX coi đó là tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 2 Điều 52 BLHS. Do bị cáo đã bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả và có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nên chấp nhận kháng cáo giảm một phần hình phạt cho bị cáo, tạo điều kiện để bị cáo yên tâm cải tạo và sớm trở về hòa nhập cộng đồng.

[4]. *Về án phí:* Bị cáo kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, HĐXX không xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự:
Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trịnh Văn K. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HS-ST ngày 22/02/2019 của TAND huyện N, tỉnh Hải Dương về phần hình phạt.

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Phạt Trịnh Văn K 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 11/10/2018 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Trịnh Văn K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 09/5/2019)/.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện N;
- VKSND huyện N;
- Cơ quan CSĐT- Công an huyện N;
- Cơ quan THAHS - Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Trại tạm giam Kim Chi;
- Sở Tư Pháp;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường